TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU** Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST Ngày: 23 - 6 - 2023 V/v Không công nhận là vợ chồng và tranh chấp tài sản chung	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Mến
Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Y *tham gia phiên toà:* Ông Lê Văn Thiên- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp không công nhận là vợ chồng và tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1963 (có mặt).
HKTT: Số 201/46/18, phường 26, quận B, thành phố H.
Chỗ ở: Tổ 6, ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Y.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 6, ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Y.

Đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị L: Ông Hoàng Long H, sinh năm: 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 90/66/1, phường 7, thành phố V, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 - 8 - 2022, bản khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Ông Đỗ Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn T và Bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau

như vợ chồng từ năm 2000 tại xã X, huyện X, tỉnh Y, không đăng kí kết hôn, không tổ chức đám cưới nhưng việc chung sống trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Ông T và bà L sống với nhau hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, bà L đuổi ông T ra khỏi nhà nên từ tháng 5/2022 ông T về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân với bà L cho đến nay. Nay, ông T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa Ông Đỗ Văn T và Bà Nguyễn Thị L là vợ chồng;

- Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung là Đỗ Nguyễn Đức Th, sinh ngày 22/7/20xx. Con chung đã trưởng thành, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung từ năm 2000 đến nay, ông T và bà L tạo dựng nên các tài sản chung sau:

+ Thửa đất số 2568 tờ bản đồ số 2TDH.II với diện tích 61,4 m^2 tọa lạc tại khu phố C, phường T, thị xã D do Uỷ ban nhân dân thị xã D, tỉnh B cấp cho Bà Nguyễn Thị L vào ngày 11/4/2014;

+ Thửa đất số 1370 tờ bản đồ số 11 với diện tích 474,0m^2 tọa lạc tại ấp Nhân Phước, xã X, huyện X, tỉnh Y do Uỷ ban nhân dân huyện Xuyên Mộc cấp cho Bà Nguyễn Thị L vào ngày 11/11/2003, trên đất ông T và bà L cùng xây 01 căn nhà cấp 4 và sinh sống trên mảnh đất này từ năm 2000 đến nay;

+ Thửa đất số 317 tờ bản đồ số 29 với diện tích 1741,1m^2 tọa lạc tại xã B, huyện C, thành phố H do ông T và bà L mua chung với bà Đỗ Thị Học (chị ruột ông T), sinh năm: 1960; địa chỉ: Tổ 4, ấp N, xã X, huyện X, tỉnh Y. Ông T, bà L, bà Học cùng thống nhất cho bà L đứng tên trên GCNQSD Đất nên ngày 12/10/2010 Uỷ ban nhân dân huyện C, thành phố H cấp cho Bà Nguyễn Thị L;

+ Thửa đất số 1440 tờ bản đồ số 11 với diện tích 908m^2 tọa lạc tại ấp Nhân P (nay là ấp Nhân T), xã X, huyện X, tỉnh Y do Uỷ ban nhân dân huyện X cấp cho Bà Nguyễn Thị L vào ngày 25/9/2018. Đất này do mẹ ông T là bà Nguyễn Thị Cách, sinh năm: 1939; địa chỉ: Ấp Nhân T, xã X, huyện Xuyên Mộc tự bỏ tiền ra mua và sử dụng từ năm 2008, đến năm 2009 thì xây dựng nhà cấp 4 trên đất và sinh sống ổn định cho đến nay. Nguồn gốc đất do bà Cách mua của bà Nguyễn Thị Quý, địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện X, tỉnh Y, do bà Cách tuổi cao, sức yếu và tin tưởng bà L nên đã nhờ bà L đứng tên dùm trên GCNQSD Đất;

+ Thửa đất số 166 tờ bản đồ số 47 với diện tích 447,2m^2 tọa lạc tại khu phố P, thị trấn P, huyện X, tỉnh Y do ông T và bà L nhận chuyển nhượng của bà Lương Thị Minh K vào năm 2008 và ông T để cho Bà Nguyễn Thị L đứng tên trên GCNQSD Đất, ngày 17/3/2008 Bà Nguyễn Thị L được Uỷ ban nhân dân huyện Xuyên Mộc cấp GCNQSD Đất.

Ngày 05/6/2023 ông T và bà L đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản đối với các tài sản chung trên. Do vậy, ngày 06/6/2023 ông T đã nộp đơn xin rút yêu cầu về tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết về tài sản chung. Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên ý kiến rút yêu cầu về tranh chấp tài sản chung với bà L.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2022 bị đơn Bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Trước đây Bà Nguyễn Thị L và Ông Đỗ Văn T có thời gian yêu nhau và tự nguyện đến với nhau, sống chung như vợ chồng vào năm 2000, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Vì vậy theo pháp luật thì bà L và ông T không phải là vợ chồng, việc ông T kiện ly hôn với bà L là không đúng. Hiện nay ông T sinh sống ở đâu bà L không rõ, không phải ở tại tổ 6, ấp Nhân Trí, xã X, huyện Xuyên Mộc như ông T khai trước tòa.

- Về con chung: Bà L và ông T có 01 người con chung là cháu Đỗ Nguyễn Đức Th, sinh ngày: 22/7/2001.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không có ý kiến.

Đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị L- Ông Hoàng Long H trình bày:

- Về yêu cầu chia tài sản của ông T:

+ Do bà L và ông T không phải là vợ chồng nên không có tài sản chung, bà L và ông T sống theo kiểu tiền của ai thì người đó giữ, tài sản của ai người đó mua. Chỉ có một số ít đồ dùng sinh hoạt trong nhà bà L thì ông T có bỏ tiền ra mua sắm cũng để phục vụ cho ông T mỗi khi về sống cùng mẹ con, nay cũng không còn giá trị, nếu ông T muốn lấy lại thì bà L trả.

+ Bà Đỗ Thị Học là chị gái ông T, không mua chung miếng đất nào với bà L tại huyện C, TPHCM, đây là tài sản riêng của cá nhân bà L. Căn nhà và thửa đất 1440 tờ bản đồ 11 diện tích 908m^2 xã X, huyện Xuyên Mộc hiện mẹ ông T là bà Nguyễn Thị Cách xin ở nhờ của bà L.

Vì vậy, giữa bà L và ông T không phải là vợ chồng, không có tài sản chung, chỉ có 1 đứa con chung là cháu Đỗ Nguyễn Đức Th. Do đó bà L không chấp nhận đơn kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung của Ông Đỗ Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Ông Đỗ Văn T và Bà Nguyễn Thị L tuân thủ các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, bà L có

đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà L.

Về nội dung vụ án:

+ Theo đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và các tài liệu đã thu thập được cho thấy giữa ông T và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay. Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Đỗ Nguyễn Đức Th, sinh ngày 22/7/2021 và tạo lập một số tài sản là quyền sử dụng đất tại huyện X, tỉnh Y; tỉnh B và huyện C, TP. HCM. Ông T khởi kiện yêu cầu không công nhận hai người là vợ chồng và chia tài sản là quyền sử dụng đất.

+ Theo quy định tại khoản 4, Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. "4. Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhân quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hỗn nhân và gia đình". Như vậy, quan hệ giữa ông T và bà L không phải là quan hệ vợ chồng.

+ Về chia tài sản chung: Trong quá trình thụ lý, ông T và bà L đã thoả thuận với nhau về việc chia tài sản. Ngày 06/6/2023 ông T rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp chia tài sản. Do đó căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ nội dung ông T rút yêu cầu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Đỗ Văn T và Bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai bên có phát sinh mâu thuẫn và ông T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định "Không công nhận vợ chồng" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại huyện Xuyên Mộc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, Ông Hoàng Long H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà Nguyễn Thị L, Ông Hoàng Long H.

[2] Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn T và Bà Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2000, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Tại thời điểm chung sống cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"*. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận ông T và bà L là vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Ông Đỗ Văn T và Bà Nguyễn Thị L có 01 con chung là Đỗ Nguyễn Đức Th, sinh ngày: 22/7/2001. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Đỗ Văn T có đơn xin rút yêu cầu về tranh chấp tài sản chung vơi bị đơn Bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L không có đơn phản tố yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T về tranh chấp tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Ông Đỗ Văn T và Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí HNGĐ-ST và chi phí tố tụng:

+ Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn Ông Đỗ Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng ông T thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do vậy, Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông T. Bà Nguyễn Thị L không phải nộp án phí;

+ Về chi phí tố tụng: Chi phí sao lục tài liệu, chứng cứ; đo vẽ đất tranh chấp, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B và Tòa án nhân dân huyện C, thành phố H là 28.304.000đ (Hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng). Ông Đỗ Văn T tự nguyện nộp (đã nộp xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 14, 51, 53, 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Văn T.

Không công nhận Ông Đỗ Văn T và Bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Đỗ Văn T và Bà Nguyễn Thị L có 01 con chung là Đỗ Nguyễn Đức Th, sinh ngày: 22/7/2001. Con chung đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đỗ Văn T về tranh chấp tài sản chung.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí HNGĐ- ST và chi phí tố tụng:

+ Về án phí HNGĐ-ST: Ông Đỗ Văn T được miễn án phí. Hoàn trả cho Ông Đỗ Văn T số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011393 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y.

+ Về chi phí tố tụng: 28.304.000đ (Hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng), Ông Đỗ Văn T tự nguyện nộp (đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bành Thị Thu Hà